

BÁO CÁO
Tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022

Căn cứ Công văn số 228/STC-TT ngày 18/01/2023 của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng về việc báo cáo tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Ủy ban nhân dân huyện Long Phú báo cáo tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) năm 2022, như sau:

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THTK, CLP

1. Công tác tuyên truyền phổ biến, quán triệt, chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THTK, CLP

Trên cơ sở các chủ trương, đường lối, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn cấp trên về công tác THTK, CLP. Nhằm nâng cao nhận thức và tạo sự chuyển biến tích cực mạnh mẽ trong cán bộ, công chức, viên chức người lao động và nhân dân về công tác THTK, CLP. Ủy ban nhân huyện đã chỉ đạo các cơ quan, ban ngành huyện, UBND các xã, thị trấn phối hợp với Mặt trận và các tổ chức đoàn thể tập trung tăng cường triển khai các văn bản hướng dẫn thực hiện về THTK, CLP đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn huyện. Công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt được thực hiện kịp thời, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức cũng như hành động của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân. Nhìn chung, các cơ quan, ban ngành huyện và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã quan tâm thực hiện rà soát các tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo quy định, xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp tình hình thực tế đơn vị, đảm bảo tiết kiệm. Trong năm 2022, trên địa bàn huyện đã tổ chức tuyên truyền được 312 cuộc với 7.033 lượt người tham dự, tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác THTK, CLP. Qua đó, nâng cao tính hiệu quả trong công tác quản lý, sử dụng kinh phí, quản lý tài sản công, quản lý tài nguyên thiên nhiên.... cơ bản đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức, tiết kiệm, góp phần thực hiện tốt công tác THTK, CLP.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP

Thực hiện Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 09/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện Long Phú ban hành Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 24/5/2022 về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022, triển khai đến các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị

trấn để xây dựng kế hoạch cụ thể hóa các nội dung đề ra và triển khai thực hiện có hiệu quả.

Để đảm bảo thực hiện tốt công tác THTK, CLP, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, ban ngành huyện và UBND các xã, thị trấn điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao, bổ sung kịp thời cho ngân sách cấp dưới, cơ bản đảm bảo các nhiệm vụ chi, thực hiện chi tiêu đúng mục đích, đúng quy định của Nhà nước. Việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của các cơ quan, ban ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phải gắn với các biện pháp THTK, CLP, thực hiện theo quy định của Luật NSNN từ khâu lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi và quyết toán NSNN chặt chẽ.

3. Công tác kiểm tra, giám sát về công tác THTK, CLP

Các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt chức năng tự kiểm tra, giám sát đảm bảo theo dự toán giao và có kế hoạch chi cụ thể theo quy định văn bản cấp trên và Luật NSNN, đồng thời trên cơ sở bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương điều hành phù hợp với khả năng ngân sách và nhiệm vụ, hoạt động trọng tâm của từng cơ quan, đơn vị, đảm bảo đúng nguyên tắc, tiêu chuẩn, định mức theo quy định, tiết kiệm, hiệu quả.

Phát huy tốt công tác phối hợp tham gia giám sát của tổ chức công đoàn các đơn vị trong giám sát việc thực hiện công khai thu, chi tài chính của các cơ quan, đơn vị, đảm bảo từng khoản chi đều được thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ, kế hoạch đề ra, thực hiện tiết kiệm kinh phí hoạt động thường xuyên và bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

II. KẾT QUẢ THTK, CLP NĂM 2022

1. Trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước

a) THTK, CLP trong việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán quản lý sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý

Thực hiện Quyết định số 3477/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng. Ủy ban nhân dân huyện đã trình Hội đồng nhân dân huyện dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2022 và được Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn tại Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Long Phú về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương huyện Long Phú năm 2022.

Triển khai thực hiện Công văn số 610/UBND-TH ngày 31/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc điều hành cân đối ngân sách cấp huyện năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính – ngân sách, tăng cường công tác quản lý thu ngân sách, thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp điều hành thu, chi ngân sách nhà nước, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ thu, chi theo dự toán. Khai thác nguồn thu, chống thất thu;

quản lý chặt chẽ chi ngân sách nhà nước, thực hiện nghiêm về thực hành tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên; chống lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp điều hành thu chi ngân sách nhà nước, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ thu, chi theo dự toán. Ước tổng thu ngân sách nhà nước năm 2022 là 69 tỷ 495 triệu đồng, đạt 161,24% kế hoạch, tăng 50,65% so với cùng kỳ năm trước; ước chi ngân sách huyện năm 2022 là 531 tỷ 312 triệu đồng, đạt 97,78% kế hoạch, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước.

Về thực hiện chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ. Các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tiết kiệm các khoản chi ngân sách để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, trong năm 2022 số tiền tiết kiệm được là 04 tỷ 927 triệu 556 ngàn đồng, chi tiết kèm theo Phụ lục.

Bên cạnh đó, các cơ quan đảng, đoàn thể huyện tiết kiệm chi kinh phí thực hiện giao khoán chi, tiết kiệm được 32 triệu 983 ngàn đồng, góp phần giảm chi ngân sách, hạn chế bổ sung kinh phí phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công

Thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022, huyện đã thực hiện giao vốn cho các chủ đầu tư ngay đầu năm theo quy định và chỉ đạo các phòng, ban ngành chuyên môn huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện nghiêm quy định của Luật đầu tư công. Phần đầu giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao gắn với đảm bảo chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công. Xử lý nghiêm, kịp thời đối với các hành vi tiêu cực, làm cản trở tiến độ giao vốn và giải ngân vốn đầu tư công theo tinh thần Công văn số 263/UBND-TH ngày 15/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc đôn đốc triển khai quyết liệt, hiệu quả phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Bên cạnh đó, UBND huyện chỉ đạo các cơ quan, ban ngành và các Chủ đầu tư triển khai thực hiện giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn huyện, bám sát lộ trình và cam kết thực hiện tiến độ giải ngân các dự án theo tinh thần Công văn số 2562/UBND-XD ngày 07/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, thực hiện 3 Chương trình mục tiêu quốc gia những tháng còn lại năm 2022 và nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023.

Công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng được thực hiện đúng định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật theo các quy định hiện hành, hạn chế phát sinh ngoài dự toán được duyệt. Trong năm 2022, Phòng Kinh tế và Hạ tầng đã tham mưu thẩm định các dự án trong đầu tư xây dựng cơ bản, kết quả thẩm định 108 công trình tổng giá trị giảm so với dự toán thiết kế là 01 tỷ 069 triệu 370 đồng; Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện thực hiện tốt công tác đấu thầu theo quy định đối với 11 gói thầu (09 gói thầu xây lắp và 02 gói thầu tư vấn), kết quả chấm thầu đã thực hiện tiết kiệm chi so với dự toán, kinh phí tiết kiệm được 393

triệu đồng so với dự toán và tiết kiệm trong thực hiện thi công dự án các công trình trên địa bàn huyện số tiền 129 triệu đồng.

3. Trong quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ, tài sản công

Công tác quản lý, sử dụng đất dựa trên Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 18/3/2022. Ủy ban nhân huyện chỉ đạo các ngành chuyên môn tăng cường công tác phối hợp với các xã, thị trấn thực hiện rà soát, quản lý đất công trên địa bàn huyện, kiên quyết xử lý các trường hợp lấn, chiếm đất công; thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi sử dụng đất không đúng mục đích, không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và các hành vi gây lãng phí, ô nhiễm đất.

Thực hiện Thông báo số 16/TB-VPUBND ngày 25/02/2022 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thông báo ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng Lâm Hoàng Nghiệp tại cuộc họp nghe báo cáo Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Công văn số 1154/STC-GCSDN ngày 24/3/2022 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng về việc rà soát, xác định số liệu, thông tin về các cơ sở nhà, đất khi thực hiện sắp xếp lại Phương án nhà, đất công. Hiện nay, Huyện đang khẩn trương thực hiện rà soát, sắp xếp lại phương án theo Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ.

Thực hiện nghiêm trình tự, thủ tục mua sắm tài sản công theo quy định phân cấp, thẩm quyền; đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, công khai minh bạch; triển khai các văn bản hướng dẫn về Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn đến các cơ quan đơn vị thực hiện.

4. Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên

Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thường xuyên kiểm tra, theo dõi các trường hợp khai thác, sử dụng nước dưới đất để phát hiện, ngăn chặn kịp thời đối với hành vi gây lãng phí, đặc biệt là tại các khu vực có nguy cơ xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước mặt nước dưới đất có ảnh hưởng đến kinh tế, đời sống của người dân trong vùng. Việc quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; hộ gia đình và cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường; không gây cản trở hoặc làm thiệt hại đến việc khai thác. Trong năm, trên địa bàn huyện không xảy ra vi phạm hành vi lãng phí, sai phạm trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

Xử lý nghiêm các trường hợp khai thác nước dưới đất với mục đích sử dụng kém hiệu quả, gây lãng phí, thất thoát, làm huỷ hoại, cạn kiệt nguồn tài nguyên nước, gây ô nhiễm môi trường, xâm nhập mặn. Thường xuyên kiểm tra nhắc nhở

các tổ chức, cá nhân phải sử dụng tiết kiệm, tái sử dụng, tận dụng triệt để nước dưới đất trong quá trình khai thác sử dụng.

Trong quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản, đảm bảo phù hợp với chiến lược, quy hoạch; đảm bảo tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản. Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra theo dõi việc cải tạo đất trồng lúa và khai thác đất làm vật liệu xây dựng thông thường theo tinh thần Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 10/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Tăng cường công tác phối hợp với cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc khai thác, sử dụng khoáng sản nhằm kịp thời phát hiện và xử lý hành vi làm ô nhiễm, hủy hoại môi trường, gây thất thoát, lãng phí khoáng sản.

5. Trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động

Thực hiện nghiêm việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm và chất lượng hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn theo Chỉ thị số 10/CT-CTUBND ngày 28/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp đã cơ bản đáp ứng yêu cầu trong thi hành công vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị từng bước được nâng lên gắn liền với hiệu quả sử dụng thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức.

Năm 2022, Huyện được tỉnh giao 85 biên chế và 10 chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đối với các cơ quan hành chính nhà nước. Trên cơ sở chỉ tiêu được giao, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 về việc giao biên chế công chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018) cho các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện Long Phú. Đồng thời, chỉ đạo các phòng, ban ngành, địa phương triển khai thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo cấp trên như: Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018) và Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế.

Về công tác cải cách hành chính, ngay từ đầu năm Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 20/01/2022 về thực hiện cải cách hành chính năm 2022; Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 21/01/2022 về thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022; Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 21/01/2022 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022. Tiếp tục xác định cải cách TTHC là nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2022; tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ cải cách TTHC, kiểm soát TTHC theo thẩm quyền, nhiệm vụ được giao

thường xuyên rà soát, đánh giá TTHC để bổ sung, bãi bỏ các TTHC không còn phù hợp cho người dân, doanh nghiệp thực hiện. Nâng cao vai trò trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, nhất là cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC và công chức, viên chức trực tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC; kịp thời phát hiện, đề xuất, kiến nghị đơn giản hóa những TTHC còn rườm rà, bất cập, gây khó khăn trong thực hiện TTHC.

Về chỉ tiêu giảm số giờ thực hiện thủ tục hành chính đối với hộ kinh doanh và người dân: Huyện tiếp tục thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền đối với 69 TTHC thuộc 16 lĩnh vực theo Thông báo số 158/TB-UBND ngày 12/8/2021, như: cắt giảm 20% thời gian giải quyết TTHC lĩnh vực môi trường và tài nguyên nước; cắt giảm 33,3% thời gian giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai. Thời gian giải quyết thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh với mục tiêu tối đa 02 ngày làm việc giảm 01 ngày so với quy định (quy định 03 ngày làm việc). Từ kết quả rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính nêu trên đã góp phần giảm chi phí và thời gian đi lại của người dân và hộ kinh doanh.

Trong năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện đã đề xuất 10 phương án, sáng kiến đơn giản hóa TTHC đối với 02/02 TTHC (thủ tục Đăng ký Thành lập hộ kinh doanh và Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh), kiến nghị UBND tỉnh xem xét thông qua phương án đơn giản hóa TTHC lĩnh vực thành lập và hoạt động hộ kinh doanh. Kết quả qua rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa, Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng tỷ lệ cắt giảm chi phí theo phương án được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt là 59,4%.

Thực hiện nghiêm các quy định cấp trên về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính theo tinh thần Chỉ thị số 10/CT-CTUBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Nhìn chung các cơ quan, đơn vị chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính, tăng cường các biện pháp quán triệt, quản lý, chấn chỉnh cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, đơn vị theo tinh thần Công văn số 789/UBND-PNV ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của các cơ quan, đơn vị.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện các quy định về THTK, CLP được thực hiện đồng bộ, sâu rộng đến các cơ quan, đơn vị, địa phương; tuyên truyền phổ biến các Nghị quyết của Đảng, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chương trình hành động của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện về công tác THTK, CLP.

Thực hiện nghiêm túc các giải pháp về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; góp phần cắt giảm chi tiêu ngân sách; thực hiện tốt các quy định về công khai tài chính đối với các cấp ngân sách, quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Tăng cường cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách các thủ tục hành chính nhằm rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, tiết kiệm chi phí, thời gian đi lại của người dân. Việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được đẩy mạnh, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Công tác quản lý Nhà nước được tăng cường, phát huy tốt vai trò của các cơ quan tham mưu trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội góp phần thực hiện đạt các chỉ tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện đã đề ra. Thực hiện tốt công tác thẩm định trong đầu tư, công tác đấu thầu, tiết kiệm chi phí đầu tư trong thực hiện dự án. Kiểm soát chặt chẽ công tác thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán, hồ sơ thẩm định quyết toán, công tác đấu thầu, thẩm định kết quả đấu thầu, chào hàng cạnh tranh đối với các dự án sử dụng ngân sách nhà nước; thực hiện đúng quy trình thẩm tra hồ sơ quyết toán các công trình hoàn thành theo quy định Luật Đầu tư công.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 của từng cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Nhìn chung, các cơ quan, đơn vị, địa phương đều xây dựng Kế hoạch THTK, CLP và đã có những giải pháp tích cực trong thực hiện các cơ chế quản lý tài chính, đặc biệt là thực hiện những quy định về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; xây dựng quy chế chỉ tiêu nội bộ cụ thể, rõ ràng, công khai các định mức, tiêu chuẩn chế độ chỉ tiêu, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức và Mặt trận Tổ quốc các cấp thực hiện chức năng giám sát; xây dựng phương án chi trả thu nhập, góp phần cải tiến lề lối làm việc nâng cao thu nhập cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

2. Hạn chế

Nhìn chung, công tác xây dựng Kế hoạch triển khai chương trình THTK, CLP của các cơ quan, đơn vị đã được quan tâm thực hiện, nhưng vẫn còn một số cơ quan, đơn vị nội dung xây dựng còn chung chung, chưa xây dựng chỉ tiêu tiết kiệm cụ thể, chưa xác định được các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm cần tập trung chỉ đạo tiết kiệm, chưa sát với đặc điểm, đặc thù của từng cơ quan, đơn vị. Việc thực hiện các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí tại một số cơ quan, đơn vị còn mang tính hình thức. Hiệu quả sử dụng thời gian lao động của một bộ phận công chức, viên chức trong một số cơ quan, đơn vị chưa cao.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tuy được quan tâm nhưng còn thiếu sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, nhiều nơi chưa thực hiện thường xuyên. Từ đó, nhận thức về tầm quan trọng của công tác tiết kiệm, chống lãng phí nói chung của một bộ phận tổ chức,

cá nhân chưa được nâng cao, cụ thể trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên trong việc tự ý chuyên mục đích sử dụng đất chưa được sự cho phép của cấp có thẩm quyền, chuyên mục đích không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vẫn còn xảy ra ở một số nơi, nhất là ở khu vực nông thôn.

Phong trào thi đua THTK, CLP từng lúc chưa được thực hiện mạnh mẽ và thiết thực. Những tấm gương điển hình về THTK, CLP chưa được phát hiện, tuyên truyền và biểu dương, khen thưởng. Nhiều cơ quan, đơn vị mặc dù có rất nhiều cố gắng trong công tác quản lý, điều hành ngân sách, thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, tuy nhiên trong thực hiện vẫn còn phát sinh nhiều nhiệm vụ mang tính cấp bách, đột xuất dẫn đến kinh phí tiết kiệm chưa cao.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU THTK, CLP NĂM 2023

1. Tiếp tục triển khai, tuyên truyền về THTK, CLP và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến THTK, CLP thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị quán triệt, để tuyên truyền, giáo dục sâu rộng đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THTK, CLP. Qua đó, nâng cao trách nhiệm, thống nhất nhận thức và hành động của các cơ quan, đơn vị và mỗi cán bộ, công chức, viên chức đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trong THTK, CLP. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương điển hình trong THTK, CLP.

2. Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Chỉ thị số 10/CT-CTUBND ngày 28/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm và chất lượng hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Sóc Trăng.

3. Tiếp tục điều hành, quản lý chi ngân sách trong phạm vi dự toán được giao, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; chủ động tiết kiệm các khoản chi không cần thiết, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách; tăng cường công tác tự kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật, gây lãng phí.

4. Tăng cường trách nhiệm công vụ; nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; tiếp tục triển khai thực hiện các Kế hoạch về cải cách hành chính và Chương trình số 17-CTr/HU ngày 06/5/2022 của Ban Chấp hành Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 29/12/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

5. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị, xác định rõ vị trí việc làm của từng cán bộ công chức, viên chức nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả công tác và quản lý nhà nước. Tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các trường hợp quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên kém hiệu quả, gây lãng phí, thất thoát, làm hủy hoại, cạn kiệt nguồn tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường.

7. Nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc sử dụng ngân sách nhà nước, đảm bảo chi đúng chế độ, tiết kiệm và có hiệu quả, đồng thời thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng ngân sách; tiết kiệm trong mua sắm, sử dụng tài sản công; Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các trường hợp quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên kém hiệu quả, gây lãng phí, thất thoát, làm hủy hoại, cạn kiệt nguồn tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường.

8. Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể và nhân dân trong việc theo dõi, giám sát, đánh giá việc chấp hành các quy định của các cơ quan, đơn vị.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Noi nhận:

- Sở Tài chính;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- Thanh tra huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.



Huỳnh Đức

1
Phụ lục

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 32 /BC-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2022
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Ký báo cáo: Năm 2022

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ								
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
II Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)								
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng	840,886	1.567,200	1.932,906	229,87	123,33	Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	131,746		263,478			
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	84,309		130,639			
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	47,536		150,451			
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	11,600		45,530			
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	16,000		93,923			
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	178,505		280,310			
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	73,050		120,125			
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	70,140		233,450			
	Tiết kiệm chi phí khác (bao gồm sách báo, tạp chí)	triệu đồng	46,000		151,800			
	Tiết kiệm chi phí nghiệp vụ chuyên môn	triệu đồng	68,300		56,300			
	Tiết kiệm chi phí thuê mướn	triệu đồng	0,000		45,200			
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	113,700		361,700			
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng						
	Các nội dung khác							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	2.335,886	4.031,600	4.927,556	210,95	122,22	Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	Theo Nghị định 130/2005/NĐ- CP	triệu đồng	840,886	1.567,200	1.932,906			
	Theo Nghị định 16/2015/NĐ- CP	triệu đồng	145,00		0,00			
	Theo Nghị định 141/2016/NĐ- CP	triệu đồng	1.350,00		0,00			
	Theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP	triệu đồng		2.464,400	2.994,650			
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lăng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lăng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
I	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	828,450	792,485	1.591,370	192,09	200,81	Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	473,450	513,49	1.069,370		0	
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	355,000	150,00	393,000		0	
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng		129,00	129,000		0	
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	Số lượng	dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²						
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	Tiết kiệm điện	Kw/h						
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án						
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng						
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
I	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng						
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc						
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VII I	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về TUTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/dơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lăng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lăng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lăng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						

(Ban hành kèm theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC SỐ 05

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN DÙNG CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 32 /BC-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	Tổng cộng (A+B+C)	100	90
A	Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	30	20
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	20
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	
B	Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã	50	50
I	Kết quả chấm điểm của các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc và ngân sách cấp xã	40	40
1	Trên 80% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	40	40
2	Từ 50%- 80% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	30	
3	Từ 20% đến dưới 50% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	20	

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
4	Dưới 20% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ngân sách cấp xã đạt 80 điểm trở lên	10	
II	Kết quả thực hiện giám biện chế theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	10
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
C	Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	20	20
1	Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	10
1.1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	2	2
1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	8	8
2	Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc	10	10
2.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	4	4
2.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	6	6